

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2019-2020

Khoa: Cơ khí

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp														
1	17C1-BCN1	24		1	4.17	2	8.33	16	66.67	5	20.83	0	0.00	
2	18C1-BCN1	16		0	0.00	0	0.00	5	31.25	11	68.75	0	0.00	
3	19C1-BCN1	23		0	0.00	2	8.70	3	13.04	18	78.26	0	0.00	
CỘNG 03 Lớp		63	0	1	1.59	4	6.35	24	38.10	34	53.97	0	0.00	
Ngành: Cắt gọt kim loại														
1	17C1-CKL1	10		0	0.00	1	10.00	8	80.00	1	10.00	0	0.00	
2	18C1-CKL1	17		0	0.00	0	0.00	4	23.53	13	76.47	0	0.00	
CỘNG 02 Lớp		27	0	0	0.00	1	3.70	12	44.44	14	51.85	0	0.00	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí														
1	17C1-CCK1	41	1	0	0.00	1	2.44	33	80.49	7	17.07	0	0.00	
2	17C1-CCK2	40		0	0.00	3	7.50	24	60.00	13	32.50	0	0.00	
3	17C1-CCK3	38		0	0.00	2	5.26	36	94.74	0	0.00	0	0.00	
4	17C1-CCK4	50	2	0	0.00	2	4.00	10	20.00	38	76.00	0	0.00	
5	17C1-CCK5	30		0	0.00	3	10.00	27	90.00	0	0.00	0	0.00	
6	17C1-CCK6	38		0	0.00	4	10.53	32	84.21	2	5.26	0	0.00	
7	17C1-CCK7	37		0	0.00	1	2.70	19	51.35	17	45.95	0	0.00	
8	17C1-CCK8	30		0	0.00	4	13.33	19	63.33	7	23.33	0	0.00	



S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
9	18C1-CCK1	47		1	2.13	6	12.77	11	23.40	29	61.70	0	0.00	
10	18C1-CCK2	47		0	0.00	1	2.13	1	2.13	43	91.49	2	4.26	
11	18C1-CCK3	46		1	2.17	2	4.35	8	17.39	32	69.57	3	6.52	
12	18C1-CCK4	43	1	0	0.00	5	11.63	4	9.30	30	69.77	4	9.30	
13	18C1-CCK5	50		0	0.00	5	10.00	4	8.00	39	78.00	2	4.00	
14	18C1-CCK6	47		2	4.26	7	14.89	7	14.89	29	61.70	2	4.26	
15	18C1-CCK7	45		0	0.00	3	6.67	4	8.89	34	75.56	4	8.89	
16	19C1-CCK1	35	1	1	2.86	2	5.71	8	22.86	23	65.71	1	2.86	
17	19C1-CCK2	36		0	0.00	0	0.00	5	13.89	31	86.11	0	0.00	
18	19C1-CCK3	34		2	5.88	2	5.88	9	26.47	21	61.76	0	0.00	
19	19C1-CCK4	37		4	10.81	8	21.62	8	21.62	17	45.95	0	0.00	
20	19C1-CCK5	35		1	2.86	0	0.00	4	11.43	28	80.00	2	5.71	
21	19C1-CCK6	30		0	0.00	2	6.67	6	20.00	20	66.67	2	6.67	
22	19C3-CCK1	28		0	0.00	4	14.29	17	60.71	6	21.43	1	3.57	
23	18C2-CCK1	15		0	0.00	0	0.00	12	80.00	2	13.33	1	6.67	(B)
24	19C2-CCK1	36		0	0.00	1	2.78	15	41.67	16	44.44	4	11.11	
CỘNG 24 Lớp		915	5	12	1.31	68	7.43	323	35.30	484	52.90	28	3.06	
Ngành: Công nghệ chế tạo máy														
1	17C1-CTM1	33		0	0.00	0	0.00	5	15.15	28	84.85	0	0.00	
2	17C1-CTM2	36		0	0.00	1	2.78	2	5.56	33	91.67	0	0.00	
3	18C1-CTM1	43	1	3	6.98	1	2.33	9	20.93	28	65.12	2	4.65	
4	19C1-CTM1	47		1	2.13	1	2.13	2	4.26	41	87.23	2	4.26	
CỘNG 04 Lớp		159	1	4	2.52	3	1.89	18	11.32	130	81.76	4	2.52	
Trung cấp														
Ngành: Cắt gọt kim loại														
1	17T4-CKL1	9		0	0.00	0	0.00	1	11.11	8	88.89	0	0.00	
CỘNG 01 LỚP		9	0	0	0.00	0	0.00	1	11.11	8	88.89	0	0.00	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Cơ khí chế tạo														
1	18T4-CKC1	24		0	0.00	2	8.33	2	8.33	18	75.00	2	8.33	
2	19T4-CKC1	49		0	0.00	0	0.00	1	2.04	44	89.80	4	8.16	
3	19T4-CKC2	27		0	0.00	0	0.00	2	7.41	23	85.19	2	7.41	
CỘNG 03 LỚP		100	0	0	0.00	2	2.00	5	5.00	85	85.00	8	8.00	
S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ khí														
1	17T4-CCK1	43		0	0.00	0	0.00	2	4.65	41	95.35	0	0.00	
2	18T4-CCK1	52		1	1.92	1	1.92	5	9.62	41	78.85	4	7.69	
3	19T4-CCK1	58		0	0.00	0	0.00	3	5.17	52	89.66	3	5.17	
4	19T2-CCK1	13		0	0.00	2	15.38	6	46.15	5	38.46	0	0.00	
CỘNG 04 LỚP		166	0	1	0.60	3	1.81	16	9.64	139	83.73	7	4.22	
41	TỔNG CỘNG (41 LỚP)	1439	6	18	1.25	81	5.63	399	27.73	894	62.13	47	3.27	

- Từ XS, Tốt, Khá 498 34.61 1392 96.73
- Trung bình 894 62.13
- Yếu 47 3.27

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

